

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27/5/2021

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hải.

Ông Dương Văn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1993;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Vụ B, xã Minh T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội;

Nơi cư trú: Thôn Dương C, xã Liễn S, h. Lập T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn N**, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn Vụ B, xã Minh T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Có mặt chị T, vắng mặt anh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021 và các lời khai tiếp theo cũng như trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 13/11/2013 tại trụ sở UBND xã Minh T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng bố mẹ anh N ở thôn Vụ Bản, xã Minh T, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên đi chơi qua đêm và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc gia đình, chị đã khuyên nhủ rất Nều nhưng anh N không thay đổi. Anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Tháng 9/2014, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị đã mang con về sống cùng bố đẻ ở xã Liên S, huyện Lập T, tỉnh Vĩnh Phúc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, mẹ chồng chị đến thăm mẹ con chị một lần, còn anh N không quan tâm, hỏi han hay liên lạc gì với mẹ con chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2014. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, vì từ năm 2014 đến nay, chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, anh N không quan tâm gì đến con. Hiện chị đang bán hàng ăn tại chợ M thuộc xã Liên S, Lập T, Vĩnh Phúc, thu nhập bình quân là 5.000.000 đồng/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

** Bị đơn là anh Nguyễn Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Nều lần triệu tập anh N đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để cung cấp lời khai về nội dung vụ án cũng như trình bày quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã phối*

hợp với Chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh N ở Vụ B, Minh T, Sóc Sơn để làm việc trực tiếp với anh N nhưng anh vắng nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh N.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình của anh N, bà Nguyễn Thị N, mẹ đẻ của anh N cho biết: Anh N hiện đang sống cùng vợ chồng bà tại thôn Vụ Bản, xã Minh T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Năm 2013, gia đình bà tổ chức cưới hỏi cho anh N, chị T theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị T về làm dâu và chung sống cùng gia đình bà, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, gia đình bà đã hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 9/2014, anh chị mâu thuẫn gay gắt, chị T nói không thể tiếp tục chung sống với anh N nên đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sống. Gia đình bà cũng đã lên thăm cháu và đón chị T nhưng chị T không về, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay chị T xin ly hôn anh N, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2014. Nếu anh chị ly hôn, do anh N làm tự do, đi sớm về khuya nên không không có điều kiện chăm sóc con nên bà đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu cuộc sống ổn định.

Về tài sản và các vấn đề khác của anh chị, bà không nắm được.

Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh N, bà đã giao lại cho anh đầy đủ, nhưng anh N bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết; xác định đúng quan hệ pháp luật, thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ và đúng quy định pháp luật; thời hạn giải quyết vụ án được bảo đảm; Hội đồng xét xử và Thư ký đã

thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ, phiên tòa diễn ra đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/201 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Vụ Bản, xã Minh T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn N nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh N vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số X/2013 ngày 13/11/2013. Hôn nhân giữa chị T, anh N là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thiếu sự đồng cảm, chia sẻ và quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, không khí gia đình căng thẳng, mệt mỏi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2014 đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và Nêu lần triệu tập anh N nhưng anh N đều vắng mặt, thể hiện thái độ bỏ mặc, không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời qua xác minh tại địa phương, nơi anh chị cư trú thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị T, anh N có 01 con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2014.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị Thùy, Hội đồng xét xử thấy: Chị T có nơi cư trú và thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai của anh N nên không xác định được quan điểm của anh N về vấn đề con chung. Tuy Nên căn cứ vào điều kiện thực tế của anh chị cũng như để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần cho con, tránh những xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu N là con gái, cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, đồng thời cháu đang sống ổn định cùng chị N. Vì vậy nên giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tuy Nên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của chị N.

[3] Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ, công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 03/8/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án thay thế.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0019492 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND. xã Minh T, Sóc Sơn,
Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn
số X/2013 ngày 13/11/2013);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng

